

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ - ST
Ngày 08 - 6 - 2017
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Vón
2. Bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung khi ly hôn.

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXX - ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Thào A Ch1 – SN 1990/có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn LV 2, xã TTh, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

Nơi làm việc: Huyện đoàn TC, tỉnh Điện Biên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: bà Trần Thị S – là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên/có mặt

2. Bị đơn: chị Mùa Thị V – SN 1990; Địa chỉ: Thôn LV 2, xã TTh, huyện TC, tỉnh Điện Biên/có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Đỗ Thế Đ – là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên/có mặt

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- ông Thào A S1 – SN 1923/có mặt.

- ông Dương Văn Q – SN 1973/vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn LV 2, xã TTh, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

- ông Thào A S2 – SN 1965/có mặt

- anh Thào A Ch2 – Sinh ngày 13/01/2000/vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Thào A Ch là: bà Sùng Thị S3 – SN 1965/vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ dân phố Thành C, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

4. Những người làm chứng:

- ông Thào A Nh – SN 1988/vắng mặt

- ông Vàng A Ch3 – SN 1987/vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn LV 2, xã TTh, huyện TC, tỉnh Điện Biên.

5. Người phiên dịch: ông Giàng A D – SN 1985; Trú tại: Tổ dân phố Thành C, TT TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên/có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến, nguyên đơn Thào A Ch1 trình bày: Anh và chị Mùa Thị V chung sống với nhau từ năm 2006 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người không đăng ký kết hôn mà chỉ làm đám cưới theo phong tục của dân tộc. Năm 2014 hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần chị V có hành vi dọa tự tử mặc dù anh Ch1 khuyên giải nhưng chị V không thay đổi. Hai người sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và cuộc sống không thể kéo dài, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với chị Mùa Thị V

Về con chung: có 03 con chung: Thào Thành Tr (SN 27/01/2007); Thào Thị Phương M (SN 08/11/2009); Thào Thị Minh T (SN 19/01/2012), hiện các con đang sống cùng nguyên đơn, khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nuôi 03 con chung không yêu cầu chị Mùa Thị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và yêu cầu phản tố ngày 10/3/2017 bị đơn yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Nhất trí về quan hệ hôn nhân giữa hai người không đăng ký kết hôn, nhưng không nhất trí về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nên không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Yêu cầu nguyên đơn trả công chăn dắt 03 con trâu 10.000.000đ; yêu cầu chia 02 xe máy, trong đó: 01 xe mô tô, loại xe Win, màu đen mua năm 2014 có giá 13.500.000đ; 01 xe mô tô, loại xe nữ màu đỏ đen, biển kiểm soát 27T1 – 03350 giá lúc mua 25.000.000đ; yêu cầu chia 41 bao thóc x 45kg/bao x 6.000đ/kg; Ngô 1.207 kg x 3,500đ/kg; yêu cầu nguyên đơn trả tiền nuôi ăn học từ năm 2006 đến 2016 là 30.000.000đ; yêu cầu tính công sức đóng góp trong quá trình chung sống cùng gia đình ông Thào A S1.

Về con chung: Bị đơn có nguyện vọng nuôi 03 con chung và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con 600.000đ/người/tháng, hình thức cấp dưỡng là 02 tháng/người/lần.

Về nợ phải trả, nợ phải thu: không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn làm một căn nhà và cho một mảnh đất để sản xuất, nếu nguyên đơn không làm nhà thì phải cho tiền 60.000.000đ để bị đơn tự làm nhà.

Tại biên bản ý kiến nguyên đơn trình bày: không đồng ý chia 02 xe máy vì nguồn gốc tiền mua xe không phải tiền của hai vợ chồng; không đồng ý trả tiền ăn học 30.000.000đ cho bị đơn là không có căn cứ và không phù hợp trên thực tế; 41 bao thóc đồng ý chia bình quân cho 03 người là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1; Số lượng ngô hai vợ chồng đã bán hết được 4.229.000đ và số tiền bán ngô này đã trả cho ông Dương Văn Q. Hiện hai vợ chồng còn nợ ông Dương Văn Q số tiền là 7.000.000đ chưa trả, vay phục vụ sinh hoạt gia đình. Tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý làm nhà và cho đất sản xuất cho bị đơn. Hiện nay nguyên đơn chỉ sống nhờ gia đình ông Thào A S1 và nguồn gốc đất sản xuất của hai vợ chồng từ trước đến nay cũng của ông Thào A S1, nguyên đơn công tác trong cơ quan Nhà nước lương chỉ đủ tiêu sinh hoạt hàng ngày không có số tiền tích lũy, ngoài ra còn phải nuôi dưỡng 03 đứa con chung nên không có điều kiện làm nhà và cho bị đơn đất sản xuất.

Tại biên bản ghi ý kiến ông Thào A S1: Nhất trí tặng cho Mùa Thị V được sử dụng 01 xe mô tô, loại xe Win, màu đen, biển kiểm soát 27Z1- 14929 mua năm 2014 giá 13.500.000đ và chị V tự làm thủ tục sang tên đăng ký xe. Nguồn gốc tiền mua xe là tiền của ông Thào A S1 được Nhà nước đền bù giải tỏa đất làm đường mua cho anh Thào A Ch2 sử dụng, nhưng do lúc mua xe anh Thào A Ch2 chưa đủ tuổi đứng tên đăng ký xe nên ông S1 đã nhờ anh Thào A Ch1 cầm tiền đi mua xe hộ và đứng tên đăng ký xe hộ anh Thào A Ch2; Về thóc nhất trí với ý kiến của nguyên đơn chia bình quân cho 03 người là nguyên đơn, bị đơn và ông; ông không nhất trí trả công chăn dắt 03 con trâu 10.000.000đ cho bị đơn, vì hàng ngày ông là người trực tiếp chăm sóc, chăn dắt 03 con trâu, nguyên đơn, bị đơn chỉ chăn dắt con trâu khi lấy con trâu đi cày ruộng và nương; ông không đồng ý chia đồ dùng sinh hoạt gia đình cho nguyên đơn, bị đơn vì nguồn gốc đồ dùng sinh hoạt là do con trai là Thào A S2 mua cho ông sử dụng. Ông không yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trả nợ 12.000.000đ cho ông, mà ông đã trả nợ hộ cho nguyên đơn, bị đơn cho ông Vàng A Ch3.

Tại biên bản ý kiến ông Thào A S2 trình bày: 01 xe mô tô, màu đỏ - đen - xám - trắng - bạc, biển kiểm soát 27T1 – 03350 mua năm 2013 có giá 22.500.000đ là tài sản riêng của ông mua cho nguyên đơn mượn sử dụng để phục vụ cho việc học tập, nên ông không đồng ý chia chiếc xe này cho nguyên đơn, bị đơn. Nhưng tại phiên hòa giải và biên bản thỏa thuận ông đồng ý để lại chiếc xe này cho nguyên đơn tiếp tục được mượn sử dụng. Vợ ông Thào A S2 là bà Sùng Thị S3 công nhận số tiền mua xe này là tiền của ông S2 và việc ông S2 giao chiếc xe cho nguyên đơn được tiếp tục sử dụng bà không có ý kiến gì.

Tại biên bản ý kiến anh Thào A Ch2 nhất trí với ý kiến của ông Thào A S1 tặng chiếc xe mô tô, loại xe Win, màu đen, biển kiểm soát 27Z1- 14929 cho Mùa Thị V được quản lý, sử dụng.

Tại biên bản ghi ý kiến ông Dương Văn Q trình bày: Hiện nguyên đơn, bị đơn còn nợ gia đình ông chưa trả số tiền là 7.000.000đ, nếu ly hôn ông yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trả số tiền 7.000.000đ cho ông theo biên bản thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/4/2017 tài sản chung gồm có: 39 bao thóc x 35kg/bao; 02 xe máy, trong đó: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen - xám - trắng - bạc, BKS 27T1 – 03350; 01 xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, BKS 27Z1 – 14929; 03 con trâu, trong đó: 01 con trâu cái 07 tuổi, lông màu đen, 01 con trâu cái 05 tuổi, lông màu đen, 01 con trâu đực 01 tuổi, lông màu đen; 01 ngôi nhà 03 gian có trái nhà lợp ngói Prôximăng làm từ năm 1984, do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không tiến hành xem xét, đo đạc, giá trị ngôi nhà.

Các bên thống nhất tạm giao: 39 bao thóc x 35kg/bao; 03 con trâu cho ông Thào A S1 trông giữ, bảo quản; 02 xe máy cho anh Thào A Ch1 trông giữ, bảo quản.

Tại phiên đối chất và hòa giải, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1, ông Thào A S2 đã thống nhất được đặc điểm, số lượng, giá trị và nguồn gốc tài sản, cũng như thống nhất được nợ chung phải trả. Tại biên bản thỏa thuận ngày 28/4/2017 các bên thỏa thuận được giải quyết tài sản chung và giải quyết nợ chung: 39 bao thóc chia cho 03 người gồm có: ông Thào A S1, anh Thào A Ch1, chị Mùa Thị V mỗi người được 13 bao; 01 xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, biển kiểm soát 27Z1 – 14929 ông Thào A S1 tặng cho chị V sử dụng, chị V tự mình làm thủ tục sang tên đăng ký xe; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ - đen - xám - trắng - bạc, biển kiểm soát 27T1 – 03350 giá lúc mua 22.500.000đ ông Thào A S2 để lại cho anh Ch1 tiếp tục sử dụng và quản lý; Số tiền 7.000.000đ nguyên đơn, bị đơn nợ ông Dương Văn Q, nguyên đơn đồng ý trả số nợ này và không yêu cầu bị đơn trả nợ cùng; Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn trả tiền nuôi ăn học số tiền là 30.000.000đ và công chăn dắt con trâu số tiền là 10.000.000đ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về quan hệ hôn nhân do hai người chung sống với nhau từ năm 2006 và không đăng ký kết hôn do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận là vợ chồng; về con chung xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi và theo quy định pháp luật; về tài sản chung và nợ chung đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự không có giá ngạch và án phí dân sự có giá ngạch cho bị đơn, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn tạo điều kiện về chỗ ở cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tòa Chùa không có kiến nghị gì về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng; Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của LHNGĐ năm 2014; các điểm a, b, đ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về hôn nhân: Tuyên bố hai người không phải là vợ chồng; về con chung, giao 02 cháu Thào Thành Tr (SN 27/01/2007); Thào Thị Phương M (SN 08/11/2009) cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc; giao cháu Thào Thị Minh T (SN 19/01/2012) cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, trả nợ chung: Đề nghị công nhận

sự thỏa thuận của các đương sự; Về án phí, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự không có giá ngạch và án phí dân sự có giá ngạch cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận được việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, nguyên đơn có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc Thào Thành Tr (SN 27/01/2007) và Thào Thị Phương M (SN 08/11/2009); Bị đơn có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc Thào Thị Minh T (SN 19/01/2012), nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1 thỏa thuận được giá của 39 bao thóc có giá là 6.000đ/kg. Về phân chia tài sản chung và giải quyết nợ chung, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ pháp luật: Xác định yêu cầu về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và giải quyết nợ chung khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thào A Ch2, người đại diện hợp pháp bà Sùng Thị S3, ông Dương Văn Q, những người làm chứng ông Vàng A Ch3, ông Thào A Nh xét thấy sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Về hôn nhân: anh Thào A Ch1 và chị Mùa Thị V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, hai người không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm đám cưới theo phong tục dân tộc. Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau và bị đơn có hành vi dọa tự tử, nên nguyên đơn không muốn chung sống với bị đơn nữa; về quan hệ hôn nhân bị đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn là hai người không có đăng ký kết hôn, nhưng không nhất trí về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, nên không đồng ý ly hôn. UBND xã Tủa Th có văn bản xác nhận hai người không đăng ký kết hôn. Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn xác định đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ theo khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố nguyên đơn và bị đơn không phải là vợ chồng.

[3] Về chăm sóc nuôi con chung: nguyên đơn, bị đơn đã thỏa thuận được việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận là tự nguyện cũng như giao con cho ai nuôi cần căn cứ điều kiện hoàn cảnh thu nhập thực tế, điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục các con của từng bên, Nguyên đơn có lương là nguồn thu nhập ổn định, hiện nay 03 con đều đang sống cùng nguyên đơn. Nguồn thu nhập chính

của bị đơn hiện nay là thu nhập từ lao động sản xuất nông nghiệp, điều kiện kinh tế thu nhập khó khăn và không có nguồn thu nhập ổn định nào khác. Sau khi xem xét nguyện vọng của các con từ đủ 07 tuổi trở lên thấy các con đều có nguyện vọng ở cùng với bố, do đó, cần căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận sự thỏa thuận và giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng chăm sóc 02 cháu Thảo Thành Tr (SN 27/01/2007), Thảo Thị Phương M (SN 08/11/2009), giao cho bị đơn nuôi dưỡng chăm sóc Thảo Thị Minh T(SN 19/01/2012), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến tại biên bản thỏa thuận ngày 28/4/2017, xét thấy đây là thỏa thuận tự nguyện của các bên, phù hợp với nhu cầu thực tế tài sản cần sử dụng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa bị đơn yêu cầu nguyên đơn làm một căn nhà và cho một mảnh đất để sản xuất, nếu nguyên đơn không làm nhà cho bị đơn thì cho tiền 60.000.000đ để bị đơn tự làm nhà, xét thấy nguyên đơn, bị đơn sống chung với gia đình ông Thảo A S1 từ năm 2006 cho đến nay, trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn không tạo lập được tài sản chung gì cùng gia đình ông Thảo A S1, nguồn gốc đất sản xuất của nguyên đơn, bị đơn từ trước đến nay là của ông Thảo A S1, ngoài tài sản chung là 39 béc thóc, hiện nay nguyên đơn, bị đơn không còn tài sản chung nào khác, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn không chứng minh được còn tài sản chung nào khác cũng như không chứng minh được công sức đóng góp cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để buộc nguyên đơn làm nhà và đất sản xuất cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[5] Về nợ phải trả: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thảo A S1 giữ nguyên ý kiến theo biên bản thỏa thuận ngày 28/4/2017, nguyên đơn có trách nhiệm trả cho ông Dương Văn Q số tiền 7.000.000đ và không yêu cầu bị đơn trả cùng, ông Thảo A S1 không yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trả số tiền 12.000.000đ cho ông nữa, xét thấy là thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và cần công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Những người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Hội đồng xét xử chấp nhận lời bảo vệ của những người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn về quan hệ hôn nhân, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chia tài sản chung, giải quyết nợ chung và điều kiện áp dụng miễn án phí. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn có trách nhiệm tạo điều kiện về nhà ở, đất sản xuất cho bị đơn sau khi ly hôn, xét thấy trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh về tài sản chung và công sức đóng góp của bị đơn, nên HĐXX xét thấy yêu cầu của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

[7] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu số tiền 300.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 156, khoản 3 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn đã nộp đủ.

[8] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24, Điều 26, khoản 5, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Thào A S1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và mức 50% án phí dân sự có giá ngạch đối với phần tài sản nhận được bằng 150.000đ và án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ chung bằng 175.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 156, khoản 3 Điều 157; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

Căn cứ Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24; Điều 26; khoản 5, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: anh Thào A Ch1 và chị Mùa Thị V không phải là vợ chồng.

2. Về chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

Giao cho nguyên đơn anh Thào A Ch1 có trách nhiệm nuôi dưỡng các con Thào Thành Tr (SN 27/01/2007), Thào Thị Phương M(SN 08/11/2009).

Giao cho bị đơn chị Mùa Thị V có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Thào Thị Minh T(SN 19/01/2012), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung giữa nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Thào A S1 tặng cho chị Mùa Thị V được quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, màu đen, biển kiểm soát 27Z1- 14929, chị Mùa Thị V tự làm thủ tục sang tên đăng ký xe; ông Thào A S2 để lại 01 chiếc xe mô tô màu đỏ - đen - xám - trắng - bạc, biển kiểm soát 27T1 – 03350 cho anh Thào A Ch1 tiếp tục được sử dụng; Chia cho ông Thào A S1 13 bao thóc x 35 kg/bao x 6.000đ/kg; chia cho nguyên đơn 13 bao thóc x 35 kg x 6.000đ/kg; chia cho bị đơn 13 bao thóc x 35kg/bao x 6.000đ/kg.

4. Về nợ phải trả: Công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết nợ chung. Buộc nguyên đơn phải trả cho ông Dương Văn Q số tiền là 7.000.000đồng; số tiền 12.000.000đồng ông Thào A S1 không yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trả cho ông; số tiền 10.000.000đồng

công chẵn dất con trâu và số tiền 30.000.000đồng nuôi nguyên đơn trong thời gian ăn học bị đơn không yêu cầu nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1 phải trả cho bị đơn.

5. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu 300.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và bị đơn đã nộp đủ.

6. Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thào A S1 được miễn toàn bộ án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000đ và án phí dân sự có giá ngạch 325.000đ, tổng cộng nguyên đơn phải chịu 625.000đ án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí không có giá ngạch nguyên đơn đã nộp 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC. Nguyên đơn phải nộp tiếp án phí có giá ngạch 325.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

7. Kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/6/2017), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, các bên có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAT;
- VKSND huyện Tòa Chùa;
- Chi cục THADS huyện Tòa Chùa;
- NBVQLIHP;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan